TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHN-22/DBQG	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2024*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/6/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-150mm, có nơi trên 170mm như: Lào Cai 188.5mm, Lạng Sơn 175.2mm,… Riêng Hà Giang phổ biến 150-300mm, có nơi trên 300mm như: tp Hà Giang 321.0mm, Bắc Quang (Hà Giang) 316.9mm,…
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 14%, sông Lô tại Tuyên Quang lớn hơn 121%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-200mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 5%, sông Lô tại Tuyên Quang cao hơn 118%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, riêng Quảng Ninh-Hải Phòng 200-400mm, có nơi trên 400mm như: Quảng Hà (Quảng Ninh) 465.3mm,…
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng so với tuần trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 20%. + Trên sông Cầu và sông Lục Nam đã xuất hiện một đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tăng mạnh so với kì trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy cao hơn TBNN là 245% và trên sông Lục Nam tại Chũ cao hơn TBNN là 229%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua tăng so với tuần trước đó; tổng lượng dòng chảy tại Hà Nội ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 25%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-120mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ biến đổi chậm; tổng

lượng dòng chảy nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 5%. + Trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ xuất hiện các dao động. Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam có khả năng tăng trở lại. Cụ thể, trên sông Cầu tại Gia Bảy, tổng lượng ở mức cao hơn TBNN khoảng 111%, trên sông Lục Nam tại Chũ có khả năng cao hơn TBNN là 27%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-10mm, riêng Thanh Hóa 20-60mm.
- Trong tuần, trên thượng lưu các sông ở Thanh Hóa xuất hiện một đợt dao động, biên độ dao động từ 1-3m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 147%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 34%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 78%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 33%
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-25mm.
- Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 39%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 36%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 72%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 24%.

1.4.Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-30mm, có nơi trên 50mm như tp Huế (Thừa Thiên Huế) 55.6mm,…
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi ít thay đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 97%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 9%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 28%

b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-60mm; riêng Quảng Bình 0-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Những ngày đầu tuần, dòng chảy trên các sông ít thay đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn 119%, sông Thu Bồn cao hơn 7%, sông Trà Khúc cao hơn 28%.

1.5.Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
-Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-15mm; riêng Ninh Thuận-Bình Thuận phổ biến 20-50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) so với TBNN cao hơn 53% , sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 87%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) ở mức thấp hơn 3%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 73%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 79%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 15-60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN thấp hơn 83% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng ở mức cao hơn 4%.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 10-40mm, có nơi trên 100mm như: Cát Tiên (Lâm Đồng) 146.7mm,…
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực phổ biến ở mức tương đương và giảm so với tuần trước, riêng sông Srêpôk và Cam Ly lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 45%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%,

trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 52%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-50mm, có nơi trên 70mm như: Phước Long (Bình Phước) 76.5mm, Thủ Dầu Một (Bình Dương) 84.2mm,…
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và thấp hơn TBNN.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-100mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN khoảng 10-20%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/6/2024

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/06/2024

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06	21/06	Tổng	So sánh TBNN (%)
Tây Bắc	Tam Đường	85.3	<28	2.6	1.2	1.6	2.6	7.8	3.7	5.3	24.8	<79
	Sơn La	50.9	<9	1.6	3.6	1.9	2	2	1.5	0.5	13.1	<68
	Hòa Bình	188.5	>272	17.9	16.8	18.5	23.2	14.7	14.3	21	126.4	>186
Việt Bắc	Lào Cai	79.8	>85	31.5	7.7	0.6	1.9	0.8	1.2	5.8	49.5	<4
	Yên Bái	16.5	<65	26.7	28.2	24	14.3	18.2	22	16.8	150.2	>236
	Tuyên Quang	321	>268	14	24.2	40.5	44.8	34.5	17.5	19	194.5	>95
	Hà Giang	87.3	>7	19.2	25.5	12.4	15.5	23.5	7	13.5	116.6	>110
Đông Bắc	Cao Bằng	61.9	>38	17.9	9.5	2.5	9.9	15	8	2.8	65.6	>141
	Lạng Sơn	28.2	<54	14.8	0.9	0	0	0	0	0	15.7	<67
	Bắc Giang	102	>90	9	15.9	7.6	6.9	8	3.5	4.5	55.4	>2
	Quảng Ninh	330.8	>486	16.9	26.5	18.5	11.7	16.2	15.8	24	129.6	>156
Đồng Bằng Bắc Bộ	Láng	44	<28	15.5	10.3	7	3.8	1.5	2.5	5	45.6	>1
	Thái Bình	5.3	<85	16.2	4.6	0.1	2.5	2	0.8	7.5	33.7	>26
	Nam Định	117.9	>237	27.7	6.6	1	3.3	1.2	0.3	1.5	41.6	>68
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0	<100	1.8	0.1	0	0	0	0.3	0	2.2	<90
	Vinh	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hà Tĩnh	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
Trung Trung Bộ	Huế	55.6	>232	4.4	3.3	2.4	0.1	0.8	1.5	2	14.5	>11
	Quảng Ngãi	30.4	>34	7	11	9.2	2.8	10	10	11	61	>424
Nam Trung Bộ	Nha Trang	2.2	<86	3.3	7.2	4	0.9	2.8	7.7	9.5	35.4	>392
Tây Nguyên	Kon Tum	41.6	>4	5.3	14	0.5	0	0.2	2	5.8	27.8	<55
	Buôn Mê Thuột	21.6	<51	4.6	2.6	3.2	4.2	3.7	3	5.8	27.1	<54
Nam Bộ	Biên Hòa	4.1	<91	16.8	9.6	6.8	2.5	2.2	3	3.3	44.2	<36
	Cần Thơ	7.4	<84	8.6	10.5	5.8	3.4	4.5	2.7	4.3	39.8	<30

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/06/2024

Đơn vị: triệu m^3

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/06 đến 14/06	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/06	16/06	17/06	18/06	19/06	20/06	21/06	Tổng	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	2060	<20	397	346	276	259	259	259	259	2056	<5
Thao	Yên Bái	381	>14	51	60	54	48	46	43.0	41	343	>5
Lô	Tuyên Quang	1391	>121	156	241	225	199	173	156	138	1286	>118
Cầu	Gia Bảy	142	>245	6	7.81	11.4	16.9	20.9	16.9	13.1	93	>111
Lục Nam	Chũ	128	>229	2.42	2.12	4.69	8.48	11.8	8.5	6.5	44.4	>27
Hồng	Hà Nội	1933	>25	251	242	233	225	216	207	225	1598	<9
Mã	Cẩm Thủy	440	> 147	34.6	35.7	36.0	40.1	38.2	37.1	33.1	254.6	> 39
Cả	Yên Thượng	122	< 34	15.2	15.7	15.8	17.6	16.8	16.3	14.6	112	< 36
La	Hòa Duyệt	19.4	< 33	2.38	2.46	2.48	2.76	2.63	2.6	2.28	17.5	< 24
Tả Trạch	Thượng Nhật	9.4	> 97	1.7	1.9	1.7	1.6	1.4	1.6	1.4	11.3	> 119
Thu Bồn	Nông Sơn	75.6	> 9	8.6	9.5	10.8	10.2	10.8	10.1	9.5	69.5	> 7
Trà Khúc	Sơn Giang	64.1	> 28	9.7	9.7	9.1	8.6	8	8.6	7.9	61.6	> 28
Ba	Củng Sơn	11.4	<87	2.59	2.42	2.25	2.07	2.16	2.1	1.9	15.5	<83
Cái N,T	Đồng Trăng	21.3	<3	3.11	2.94	3.28	3.46	2.94	2.8	3.46	22	>4
ĐăkBla	KonTum	10.3	< 64	1.19	1.33	1.36	1.6	1.53	1.4	1.49	9.9	< 66
Srêpôk	Giang Sơn	13.4	< 45	1.51	1.56	1.61	1.68	1.83	2.0	1.9	12.1	< 52
Tiền	Tân Châu			581	577	540	575	595	618	639	4126	< 10
Hậu	Châu Đốc			51	46	45	57	72	75.0	72	595	< 20